



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,
HẠNH PHÚC HƠN

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG – PHIÊN BẢN DÀNH CHO NHÂN VIÊN AIA

Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ AIA (Việt Nam) (“AIA Việt Nam”) – Nghiệp vụ: Bảo hiểm liên kết đầu tư

Linh hoạt cân bằng bảo vệ & tích lũy trọn đời

Số tiền bảo hiểm **1.500.000.000 đồng**, phí bảo hiểm cơ bản đóng **24.000.000 đồng/năm**

BẢO VỆ TOÀN DIỆN TRƯỚC MỌI RỦI RO



Bảo vệ trọn đời lên đến **100 tuổi**.



Nhận **375.000.000 đồng** khi mắc **ung thư nghiêm trọng**.



Nhận thêm phần trăm (%) Số tiền bảo hiểm tùy theo loại thương tật do tai nạn và tối đa lên đến **1.500.000.000 đồng** khi bị thương tật do tai nạn.



Nhận tối thiểu **1.500.000.000 đồng** khi Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn hoặc Bệnh giai đoạn cuối hoặc tử vong.

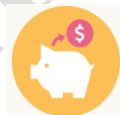


Nhận thêm **225.000.000 đồng** nếu tử vong không hút thuốc lá.

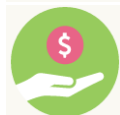


Nhận thêm **1.500.000.000 đồng** khi tử vong do tai nạn hoặc **3.000.000.000 đồng** khi tử vong do tai nạn trong các trường hợp đặc biệt.

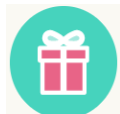
THIẾT LẬP KHOẢN TIẾT KIỆM MONG MUỐN



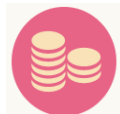
Có thể đầu tư thêm lên đến **120.000.000 đồng/năm** để nhanh chóng đạt mục đích tiết kiệm.



Linh hoạt rút tiền cho các chi tiêu ngắn hạn
Linh hoạt đóng phí từ năm hợp đồng thứ 5 trở đi.



Nhận **khoản thưởng hàng năm từ 12,5% - 15% phí bảo hiểm cơ bản quy năm** được đóng thêm vào Giá trị tài khoản cơ bản từ Ngày kỷ niệm hợp đồng năm thứ 5 trở đi.



Hưởng lãi từ kết quả đầu tư theo mức lãi suất tích lũy được AIA Việt Nam công bố hàng tháng và không thấp hơn mức lãi suất cam kết.

Vui lòng tham khảo Quy tắc, điều khoản sản phẩm bảo hiểm để biết thêm chi tiết quyền, quyền lợi và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam) hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và đầu tư tài chính theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 16GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 14 tháng 7 năm 2008; Vốn điều lệ: 8.724,420 tỷ đồng; Địa chỉ trụ sở chính tại Tòa nhà Saigon Centre tháp 2, 67 Đường Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (84-28) 3830 3333; Trung tâm dịch vụ khách hàng, điện thoại: (84-28) 3812 2777, email: vn.customer@aia.com

Thông tin chi tiết về địa chỉ Văn phòng/ Trung tâm dịch vụ khách hàng, khách hàng vui lòng tham khảo tại đường dẫn: <https://www.aia.com.vn/vi/dich-vu/van-phong-giao-dich.html>

THÔNG TIN ĐẠI LÝ BẢO HIỂM CÁ NHÂN

Họ và tên

Mã số đại lý

Đại lý bảo hiểm

.....

.....

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Họ và tên

Giới tính

Tuổi

Nghề nghiệp

Bên mua bảo hiểm

Nguyễn Văn D

Nam

29

Văn Phòng

Tên tổ chức

Giấy phép thành lập và hoạt động

Bên mua bảo hiểm (tổ chức)

.....

.....

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Đơn vị: đồng

Sản phẩm	Người được bảo hiểm (NDBH)	Tuổi tham gia	Giới tính	Nghề nghiệp	Thời hạn bảo hiểm tối đa (năm)	Thời hạn đóng phí tối đa (năm)	Thời gian đóng phí dự kiến (năm)	Mức thẩm định	Số tiền bảo hiểm (STBH)	Phí bảo hiểm hàng năm
<i>Bảo hiểm nhân thọ (BHNT)</i>										
Bảo Hiểm Liên kết chung Trộn Vẹn Cân Bằng – Phiên bản dành cho nhân viên AIA – Quyền lợi bảo hiểm cơ bản	Nguyễn Văn D	29	Nam	Khác	71	71	20	Chuẩn	1.500.000.000	24.000.000

Năm

Nửa năm

Quý

Tháng

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 2 | 27

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

(i) Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm BHNT theo định kỳ	24.000.000	12.000.000	6.000.000	2.000.000
(ii) Tổng phí bảo hiểm của sản phẩm BHBS/BHBK theo định kỳ	-	-	-	-
(iii) Phí đóng thêm của sản phẩm BHNT	-	-	-	-
Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ: (i) + (ii) + (iii)	24.000.000	12.000.000	6.000.000	2.000.000

Định kỳ đóng phí dự kiến: Năm

Lưu ý:

- Kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023, các sản phẩm bảo hiểm được bán kèm với bảo hiểm nhân thọ được Bộ Tài chính phê chuẩn sẽ sử dụng thuật ngữ sản phẩm “Bảo hiểm bán kèm”.
- Sản phẩm “Bảo hiểm bổ sung” đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trước ngày 01 tháng 07 năm 2023 vẫn tiếp tục được sử dụng thuật ngữ này trong Hợp đồng bảo hiểm.
- Phí bảo hiểm đã bao gồm phần tăng do mức thâm định dưới chuẩn
- Tổng phí bảo hiểm (Phí BH) theo định kỳ hiển thị là phí bảo hiểm theo định kỳ đã chọn trong năm hợp đồng đầu tiên và yêu cầu phải được đóng đủ.
- Tại từng định kỳ đóng phí bảo hiểm, phí đóng vào của Khách hàng sẽ được ưu tiên thanh toán theo thứ tự như sau: (i) => (ii) => (iii). Trong đó, (iii) chỉ được ghi nhận khi (i) + (ii) đã được đóng đủ trong Năm hợp đồng đó.
- Thời gian đóng phí bảo hiểm cơ bản bắt buộc của sản phẩm BHNT là 4 năm hợp đồng đầu tiên. Trong thời gian này, hợp đồng sẽ được đảm bảo duy trì hiệu lực với điều kiện quy định trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm.
- Từ năm hợp đồng thứ 5 trở đi, khách hàng có thể lựa chọn đóng một phần hoặc toàn bộ Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ. Tuy nhiên việc đóng một phần có thể dẫn đến rủi ro hợp đồng sẽ chấm dứt sớm, khách hàng nên đóng phí đầy đủ và đúng hạn để nhận quyền lợi thưởng duy trì đóng phí, duy trì tối đa thời gian hiệu lực của hợp đồng, và rút ngắn thời gian đạt được mục tiêu tài chính.
- Từ năm hợp đồng thứ 5 trở đi, trong trường hợp phí bảo hiểm của sản phẩm BHBS/BHBK (nếu có) không được đóng đủ khi hết thời gian gia hạn đóng phí, khoản phí bảo hiểm này sẽ được khấu trừ từ giá trị tài khoản hợp đồng của sản phẩm BHNT với sự đồng ý của khách hàng. Nếu giá trị tài khoản hợp đồng của sản phẩm BHNT không đủ để khấu trừ phí bảo hiểm của sản phẩm BHBS/BHBK, các sản phẩm BHBS/BHBK này sẽ mất hiệu lực.
- Trường hợp khách hàng không đồng ý việc khấu trừ giá trị tài khoản hợp đồng của sản phẩm BHNT để đóng phí cho sản phẩm BHBS/BHBK và không đóng đủ phí bảo hiểm cho các sản phẩm BHBS/BHBK trước khi kết thúc thời gian gia hạn, các sản phẩm này sẽ chấm dứt hiệu lực và không được khôi phục.
- Khách hàng truy cập trang thông tin điện tử www.aia.com.vn để tham khảo quy tắc điều khoản và công cụ tính toán của sản phẩm bảo hiểm.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 3 | 27

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

I. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VẸN CÂN BẰNG – PHIÊN BẢN DÀNH CHO NHÂN VIÊN AIA

QUYỀN LỢI	CHI TIẾT																															
THIẾT LẬP KHOẢN TIẾT KIỆM MONG MUỐN																																
Đầu tư cùng Quỹ liên kết chung	<ul style="list-style-type: none"> Quỹ liên kết chung có chiến lược đầu tư thận trọng và dài hạn nhằm mục tiêu đạt được lợi nhuận đầu tư ổn định, đồng thời đảm bảo khả năng thanh toán. Tỷ lệ phân bổ phí bảo hiểm vào giá trị tài khoản để hưởng quyền lợi đầu tư như sau <table border="1" data-bbox="573 525 2107 643"> <tr> <td>Năm đóng phí</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>3</td> <td>Từ 4 trở đi</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ phân bổ đối với phí bảo hiểm cơ bản</td> <td>60%</td> <td>100%</td> <td>100%</td> <td>100%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ phân bổ đối với phí bảo hiểm đóng thêm</td> <td colspan="4">100%</td> </tr> </table> Quyền lợi đầu tư bảo đảm: Công ty cam kết mức lãi suất tối thiểu tích lũy vào tài khoản của khách hàng như sau: <table border="1" data-bbox="573 683 1912 778"> <tr> <td>Năm hợp đồng</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>3</td> <td>4</td> <td>5</td> <td>Từ 6 đến 10</td> <td>Từ 11 trở đi</td> </tr> <tr> <td>Lãi suất cam kết tối thiểu</td> <td>3,5%</td> <td>3,0%</td> <td>3,0%</td> <td>2,0%</td> <td>2,0%</td> <td>1,5%</td> <td>1,0%</td> </tr> </table> Quyền lợi đầu tư không bảo đảm: Tùy theo kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, lãi suất tích lũy của khách hàng có thể thay đổi tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu. Mức lãi suất sẽ được Công ty công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Khách hàng tham khảo thông tin/báo cáo về hoạt động của quỹ tại đường dẫn https://www.aia.com.vn/vi/san-pham/lai-suot-va-gia-don-vi-quy.html 	Năm đóng phí	1	2	3	Từ 4 trở đi	Tỷ lệ phân bổ đối với phí bảo hiểm cơ bản	60%	100%	100%	100%	Tỷ lệ phân bổ đối với phí bảo hiểm đóng thêm	100%				Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	Từ 6 đến 10	Từ 11 trở đi	Lãi suất cam kết tối thiểu	3,5%	3,0%	3,0%	2,0%	2,0%	1,5%	1,0%
Năm đóng phí	1	2	3	Từ 4 trở đi																												
Tỷ lệ phân bổ đối với phí bảo hiểm cơ bản	60%	100%	100%	100%																												
Tỷ lệ phân bổ đối với phí bảo hiểm đóng thêm	100%																															
Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	Từ 6 đến 10	Từ 11 trở đi																									
Lãi suất cam kết tối thiểu	3,5%	3,0%	3,0%	2,0%	2,0%	1,5%	1,0%																									
Đáo hạn (quyền lợi được bảo đảm)	<ul style="list-style-type: none"> Nhận toàn bộ GTTK của hợp đồng tính tại thời điểm đáo hạn nếu HDBH còn hiệu lực và NDBH còn sống vào thời điểm đáo hạn. 																															
Thưởng duy trì đóng phí (quyền lợi được bảo đảm có điều kiện)	<ul style="list-style-type: none"> Nhận khoản thưởng duy trì đóng phí được phân bổ hàng năm vào Giá trị tài khoản cơ bản kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 5 trở đi như sau: <ol style="list-style-type: none"> 12,5% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 5 đến thứ 9. 15% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 10 trở đi. Điều kiện: <ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng chưa từng mất hiệu lực; 																															

- Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm được đóng đầy đủ trước mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng tương ứng; và
- Không rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản trong Năm hợp đồng nhận thưởng.

BẢO VỆ TOÀN DIỆN TRƯỚC MỌI RỦI RO (quyền lợi được đảm bảo)

Bệnh Ung thư	Nhận 375.000.000 đồng khi mắc Ung thư nghiêm trọng. Quyền lợi này không bị khấu trừ khi chi trả quyền lợi Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn / Bệnh giai đoạn cuối / Tử vong
Thương tật bộ phận do tai nạn trước khi đạt 65 tuổi hoặc từ ngày đạt 65 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp	Nhận thêm phần trăm (%) Số tiền bảo hiểm tùy theo loại thương tật do tai nạn và tối đa lên đến 1.500.000.000 đồng . Quyền lợi này không bị khấu trừ khi chi trả quyền lợi Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn / Bệnh giai đoạn cuối / Tử vong
Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTB&VV) trước khi đạt 75 tuổi hoặc từ ngày đạt 75 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp	Nhận 100% giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có) cộng với số tiền cao hơn giữa 1.500.000.000 đồng và giá trị tài khoản cơ bản
Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Nhận 100% giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có) cộng với số tiền cao hơn giữa 1.500.000.000 đồng và giá trị tài khoản cơ bản
Không hút thuốc lá	Nhận thêm 225.000.000 đồng nếu vào thời điểm tử vong NĐBH từ 15 (mười lăm) tuổi trở lên và được xác định không hút thuốc lá.
Tử vong do tai nạn trước khi đạt 65 tuổi hoặc từ ngày đạt 65 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp	Nhận thêm lên đến <ul style="list-style-type: none"> • 1.500.000.000 đồng nếu NĐBH tử vong do tai nạn; hoặc • 3.000.000.000 đồng nếu NĐBH tử vong do tai nạn trong các trường hợp đặc biệt được quy định chi tiết trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm.

HẠN MỨC QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Tổng quyền lợi bảo hiểm của tất cả các HĐBH với chúng tôi mà một NĐBH được hưởng, bao gồm các quyền lợi được	<ul style="list-style-type: none"> • Quyền lợi liên quan đến Bệnh ung thư và Bệnh hiểm nghèo: không vượt quá mức tối đa theo quy định của Công ty tùy từng thời kỳ và được công bố tại trang thông tin điện tử www.aia.com.vn • Quyền lợi liên quan đến Tai nạn: không vượt quá mức tối đa theo quy định của Công ty tùy từng thời kỳ và được công bố tại trang thông tin điện tử www.aia.com.vn
--	--

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 5 | 27

Phiên bản
Dãy số kiểm tra

hưởng theo sản phẩm này như sau	
Loại trừ bảo hiểm	<ul style="list-style-type: none">Công ty sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu sự kiện bảo hiểm xảy ra do bất cứ trường hợp nào được quy định cụ thể tại Quy tắc và Điều khoản (các) sản phẩm bảo hiểm mà khách hàng tham gia. Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm này được công bố trên trang thông tin điện tử www.aia.com.vn

QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

- Thay đổi STBH
- Thay đổi phí bảo hiểm
- Chuyển đổi quyền lợi bảo hiểm
- Đảm bảo gia tăng Số tiền bảo hiểm cho các sự kiện quan trọng (kết hôn, sinh con, nhận con nuôi)
- Rút tiền từ Giá trị tài khoản

Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện nêu trên

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 6 | 27

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

- II. Mục tiêu và chính sách đầu tư: đầu tư thận trọng và dài hạn nhằm mục tiêu đạt được lợi nhuận đầu tư ổn định đồng thời đảm bảo khả năng thanh toán.
1. Cơ cấu tài sản đầu tư: Nhằm đảm bảo chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ liên kết chung, Công ty sẽ lựa chọn đầu tư vào các tài sản đầu tư có khả năng mang lại lợi nhuận ổn định như trái phiếu chính phủ, trái phiếu đô thị, trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng và các kênh đầu tư khác.
 2. Lãi suất công bố trong 5 năm gần nhất:

Năm	Lãi suất công bố
Năm 2018	5,94%
Năm 2019	5,48%
Năm 2020	5,12%
Năm 2021	4,86%
Năm 2022	4,22%
Năm 2023	4,93%

Ghi chú: Kết quả hoạt động của Quỹ liên kết chung trong quá khứ chỉ cho mục đích tham khảo và không phải là cơ sở để đảm bảo chắc chắn về kết quả hoạt động trong tương lai.

3. Mức chi phí quản lý quỹ để tính ra Lãi suất công bố: Chi phí quản lý quỹ tối đa là 2%/năm tính trên giá trị tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung.
4. Vui lòng tham khảo Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm để có thông tin chi tiết về quyền lợi đầu tư của sản phẩm bảo hiểm.

Lưu ý:

Mức lãi suất dự kiến thể hiện trong các bảng minh họa bên dưới là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chỉ mang tính tham khảo. **Trong trường hợp mức lãi suất dự kiến thấp hơn lãi suất Công ty cam kết tại năm hợp đồng, quyền lợi bảo hiểm của năm đó sẽ được minh họa dựa trên mức lãi suất cam kết**

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 7 | 27

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

TÓM TẮT CÁC LOẠI CHI PHÍ

CÁC LOẠI CHI PHÍ	CHI TIẾT															
Chi phí bảo hiểm rủi ro	Là chi phí để AIA thực hiện cam kết đối với các quyền lợi bảo hiểm rủi ro. Phụ thuộc vào tuổi và giới tính của NĐBH, STBH và lựa chọn Quyền lợi bảo hiểm.															
Chi phí ban đầu	Là chi phí sẽ khấu trừ từ phí bảo hiểm cơ bản và phí đóng thêm trước khi phân bổ vào Quỹ liên kết chung. Mức chi phí này thay đổi theo năm đóng phí <table border="1" style="margin: 5px auto; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th style="padding: 2px 5px;">Năm đóng phí</th> <th style="padding: 2px 5px;">1</th> <th style="padding: 2px 5px;">2</th> <th style="padding: 2px 5px;">3</th> <th style="padding: 2px 5px;">4+</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="padding: 2px 5px;">Phí bảo hiểm cơ bản</td> <td style="padding: 2px 5px;">40%</td> <td style="padding: 2px 5px;">0%</td> <td style="padding: 2px 5px;">0%</td> <td style="padding: 2px 5px;">0%</td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px 5px;">Phí đóng thêm</td> <td colspan="4" style="padding: 2px 5px;">0%</td> </tr> </tbody> </table>	Năm đóng phí	1	2	3	4+	Phí bảo hiểm cơ bản	40%	0%	0%	0%	Phí đóng thêm	0%			
Năm đóng phí	1	2	3	4+												
Phí bảo hiểm cơ bản	40%	0%	0%	0%												
Phí đóng thêm	0%															
Chi phí quản lý hợp đồng (Chi phí QLHD)	Là khoản chi phí để Công ty thực hiện công việc liên quan đến quản lý, duy trì và cung cấp thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và được khấu trừ hàng tháng. Mức chi phí này sẽ được tự động điều chỉnh tăng 10.000 đồng bắt đầu cho mỗi giai đoạn 5 năm, chi tiết: <table border="1" style="margin: 5px auto; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th style="padding: 2px 5px;">Năm dương lịch</th> <th style="padding: 2px 5px;">2021 - 2024</th> <th style="padding: 2px 5px;">2025 - 2029</th> <th style="padding: 2px 5px;">2030 - 2034</th> <th style="padding: 2px 5px;">Từ năm 2035 trở đi</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="padding: 2px 5px;">Chi phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)</td> <td style="padding: 2px 5px;">30</td> <td style="padding: 2px 5px;">40</td> <td style="padding: 2px 5px;">50</td> <td style="padding: 2px 5px;">60</td> </tr> </tbody> </table>	Năm dương lịch	2021 - 2024	2025 - 2029	2030 - 2034	Từ năm 2035 trở đi	Chi phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)	30	40	50	60					
Năm dương lịch	2021 - 2024	2025 - 2029	2030 - 2034	Từ năm 2035 trở đi												
Chi phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)	30	40	50	60												
Chi phí quản lý quỹ	Chi phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi Công ty công bố Lãi suất tích lũy. Chi phí quản lý quỹ tối đa là 2%/năm tính trên giá trị tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung.															
Chi phí hủy bỏ hợp đồng	Không có															
Chi phí rút tiền từ Giá trị tài khoản	Không có															
<i>Các loại chi phí nêu trên có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận</i>																

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYỀN SUỐT HỢP ĐỒNG**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Phí BH sản phẩm BHNT			Phí BH sản phẩm BHBS/ BHBK	Phí ban đầu			Phí BH sản phẩm BHNT đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro sản phẩm BHNT		
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí BH		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí BH đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí BH đem đi đầu tư		Mức lãi suất cam kết	Mức lãi suất 3,3%	Mức lãi suất 4,9%
1	24.000		24.000		9.600		9.600	14.400		14.400	360	4.210	4.210	4.209
2	24.000		24.000					24.000		24.000	480	4.124	4.123	4.122
3	24.000		24.000					24.000		24.000	480	4.094	4.094	4.091
4	24.000		24.000					24.000		24.000	480	4.121	4.119	4.113
5	24.000		24.000					24.000		24.000	480	4.271	4.265	4.255
6	24.000		24.000					24.000		24.000	480	4.405	4.394	4.376
7	24.000		24.000					24.000		24.000	600	4.532	4.512	4.486
8	24.000		24.000					24.000		24.000	600	4.638	4.607	4.570
9	24.000		24.000					24.000		24.000	600	4.802	4.757	4.704
10	24.000		24.000					24.000		24.000	600	4.956	4.892	4.821
11	24.000		24.000					24.000		24.000	600	5.137	5.049	4.953
12	24.000		24.000					24.000		24.000	720	5.310	5.189	5.064
13	24.000		24.000					24.000		24.000	720	5.485	5.323	5.162
14	24.000		24.000					24.000		24.000	720	5.695	5.484	5.279
15	24.000		24.000					24.000		24.000	720	5.915	5.645	5.386
16	24.000		24.000					24.000		24.000	720	6.224	5.879	5.550
17	24.000		24.000					24.000		24.000	720	6.492	6.060	5.650
18	24.000		24.000					24.000		24.000	720	6.776	6.240	5.732
19	24.000		24.000					24.000		24.000	720	7.276	6.599	5.953

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 9 | 27

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYỀN SUỐT HỢP ĐỒNG**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Phí BH sản phẩm BHNT			Phí BH sản phẩm BHBS/ BHBK	Phí ban đầu			Phí BH sản phẩm BHNT đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro sản phẩm BHNT		
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí BH		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí BH đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí BH đem đi đầu tư		Mức lãi suất cam kết	Mức lãi suất 3,3%	Mức lãi suất 4,9%
20	24.000		24.000					24.000		24.000	720	7.749	6.905	6.098
<p align="center"><i>Theo quy định của Bộ Tài chính, việc minh họa sản phẩm bảo hiểm liên kết chung theo mức lãi suất dự kiến chỉ được thể hiện cho 20 năm hợp đồng đầu tiên. Minh họa kể từ năm hợp đồng 21 dựa trên mức lãi suất cam kết (mức lãi suất cam kết từ năm hợp đồng 21 trở đi là 1%)</i></p>														
21	24.000		24.000					24.000		24.000	720	8.153	7.172	6.230
25	24.000		24.000					24.000		24.000	720	11.465	9.826	8.253
30	24.000		24.000					24.000		24.000	720	16.723	13.690	10.780
35	24.000		24.000					24.000		24.000	720	21.822	16.673	11.731
40	24.000		24.000					24.000		24.000	720	35.934	24.694	13.907
45	24.000		24.000					24.000		24.000	720	64.156	37.741	12.389
50	24.000		24.000					24.000		24.000	720	54.317	25.992	
55	24.000		24.000					24.000		24.000	720	87.157	31.378	
59	24.000		24.000					24.000		24.000	720	(*)	42.145	
60	24.000		24.000					24.000		24.000	720		49.202	
65	24.000		24.000					24.000		24.000	720		643.710	
66	24.000		24.000					24.000		24.000	720		(*)	
70	24.000		24.000					24.000		24.000	720			
72											(*)			(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 10 | 27

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYỀN SUỐT HỢP ĐỒNG**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	29	24.000	14.400		1.500.000		10.248		10.248
2	30	24.000	24.000		1.500.000		30.598		30.598
3	31	24.000	24.000		1.500.000		51.587		51.587
4	32	24.000	24.000		1.500.000		72.448		72.448
5	33	24.000	24.000		1.500.000	3.000	96.575		96.575
6	34	24.000	24.000		1.500.000	3.000	120.459		120.459
7	35	24.000	24.000		1.500.000	3.000	144.452		144.452
8	36	24.000	24.000		1.500.000	3.000	168.698		168.698
9	37	24.000	24.000		1.500.000	3.000	193.143		193.143
10	38	24.000	24.000		1.500.000	3.600	218.399		218.399
11	39	24.000	24.000		1.500.000	3.600	242.654		242.654
12	40	24.000	24.000		1.500.000	3.600	266.858		266.858
13	41	24.000	24.000		1.500.000	3.600	291.128		291.128
14	42	24.000	24.000		1.500.000	3.600	315.430		315.430
15	43	24.000	24.000		1.500.000	3.600	339.753		339.753
16	44	24.000	24.000		1.500.000	3.600	364.009		364.009
17	45	24.000	24.000		1.500.000	3.600	388.238		388.238
18	46	24.000	24.000		1.500.000	3.600	412.424		412.424
19	47	24.000	24.000		1.500.000	3.600	436.349		436.349

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 11 | 27

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYÊN SUỐT HỢP ĐỒNG**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
20	48	24.000	24.000		1.500.000	3.600	460.038		460.038
25	53	24.000	24.000		1.500.000	3.600	571.823		571.823
30	58	24.000	24.000		1.500.000	3.600	664.545		664.545
35	63	24.000	24.000		1.500.000	3.600	737.683		737.683
40	68	24.000	24.000		1.500.000	3.600	750.205		750.205
45	73	24.000	24.000		1.500.000	3.600	666.333		666.333
50	78	24.000	24.000		1.500.000	3.600	533.551		533.551
55	83	24.000	24.000		1.500.000	3.600	330.636		330.636
59	87	24.000	24.000				(*)	(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 12 | 27

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYỀN SUỐT HỢP ĐỒNG**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3,3%					Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 4,9%				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng	Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	29	24.000	14.400		1.500.000		10.248		10.248	1.500.000		10.416		10.416
2	30	24.000	24.000		1.500.000		30.693		30.693	1.500.000		31.379		31.379
3	31	24.000	24.000		1.500.000		51.843		51.843	1.500.000		53.401		53.401
4	32	24.000	24.000		1.500.000		73.665		73.665	1.500.000		76.480		76.480
5	33	24.000	24.000		1.500.000	3.000	99.058		99.058	1.500.000	3.000	103.544		103.544
6	34	24.000	24.000		1.500.000	3.000	125.158		125.158	1.500.000	3.000	131.809		131.809
7	35	24.000	24.000		1.500.000	3.000	151.877		151.877	1.500.000	3.000	161.224		161.224
8	36	24.000	24.000		1.500.000	3.000	179.381		179.381	1.500.000	3.000	191.994		191.994
9	37	24.000	24.000		1.500.000	3.000	207.641		207.641	1.500.000	3.000	224.134		224.134
10	38	24.000	24.000		1.500.000	3.600	237.295		237.295	1.500.000	3.600	258.329		258.329
11	39	24.000	24.000		1.500.000	3.600	267.768		267.768	1.500.000	3.600	294.063		294.063
12	40	24.000	24.000		1.500.000	3.600	298.983		298.983	1.500.000	3.600	331.312		331.312
13	41	24.000	24.000		1.500.000	3.600	331.091		331.091	1.500.000	3.600	370.285		370.285
14	42	24.000	24.000		1.500.000	3.600	364.094		364.094	1.500.000	3.600	411.047		411.047
15	43	24.000	24.000		1.500.000	3.600	398.023		398.023	1.500.000	3.600	453.697		453.697
16	44	24.000	24.000		1.500.000	3.600	432.833		432.833	1.500.000	3.600	498.269		498.269
17	45	24.000	24.000		1.500.000	3.600	468.608		468.608	1.500.000	3.600	544.921		544.921
18	46	24.000	24.000		1.500.000	3.600	505.380		505.380	1.500.000	3.600	593.776		593.776

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 13 | 27

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYỀN SUỐT HỢP ĐỒNG**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3,3%					Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 4,9%				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng	Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
19	47	24.000	24.000		1.500.000	3.600	543.000		543.000	1.500.000	3.600	644.798		644.798
20	48	24.000	24.000		1.500.000	3.600	581.550		581.550	1.500.000	3.600	698.171		698.171
<i>Theo quy định của Bộ Tài chính, việc minh họa sản phẩm bảo hiểm liên kết chung theo mức lãi suất dự kiến chỉ được thể hiện cho 20 năm hợp đồng đầu tiên. Minh họa kể từ năm hợp đồng 21 dựa trên mức lãi suất cam kết (mức lãi suất cam kết từ năm hợp đồng 21 trở đi là 1%)</i>														
21	49	24.000	24.000		1.500.000	3.600	607.271		607.271	1.500.000	3.600	726.005		726.005
25	53	24.000	24.000		1.500.000	3.600	706.141		706.141	1.500.000	3.600	835.051		835.051
30	58	24.000	24.000		1.500.000	3.600	818.123		818.123	1.500.000	3.600	965.518		965.518
35	63	24.000	24.000		1.500.000	3.600	920.261		920.261	1.500.000	3.600	1.095.487		1.095.487
40	68	24.000	24.000		1.500.000	3.600	988.305		988.305	1.500.000	3.600	1.216.817		1.216.817
45	73	24.000	24.000		1.500.000	3.600	1.014.303		1.014.303	1.500.000	3.600	1.348.262		1.348.262
50	78	24.000	24.000		1.500.000	3.600	1.043.487		1.043.487	1.531.693	3.600	1.531.693		1.531.693
55	83	24.000	24.000		1.500.000	3.600	1.086.343		1.086.343	1.748.145	3.600	1.748.145		1.748.145
60	88	24.000	24.000		1.500.000	3.600	1.079.723		1.079.723	1.975.637	3.600	1.975.637		1.975.637
65	93	24.000	24.000		1.500.000	3.600	73.627		73.627	2.214.734	3.600	2.214.734		2.214.734
68	96	24.000	24.000							2.364.007	3.600	2.364.007		2.364.007
69	97	24.000	24.000							2.414.763	3.600	2.414.763		2.414.763
70	98	24.000	24.000							2.466.027	3.600	2.466.027		2.466.027
71	99	24.000	24.000							2.517.803	3.600	2.517.803		2.517.803

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 14 | 27

Phiên bản
Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Phí BH sản phẩm BHNT			Phí BH sản phẩm BHBS/ BHBK	Phí ban đầu			Phí BH sản phẩm BHNT đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro sản phẩm BHNT		
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí BH		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí BH đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí BH đem đi đầu tư		Mức lãi suất cam kết	Mức lãi suất 3,3%	Mức lãi suất 4,9%
1	24.000		24.000		9.600		9.600	14.400		14.400	360	4.210	4.210	4.209
2	24.000		24.000					24.000		24.000	480	4.124	4.123	4.122
3	24.000		24.000					24.000		24.000	480	4.094	4.094	4.091
4	24.000		24.000					24.000		24.000	480	4.121	4.119	4.113
5	24.000		24.000					24.000		24.000	480	4.271	4.265	4.255
6	24.000		24.000					24.000		24.000	480	4.405	4.394	4.376
7	24.000		24.000					24.000		24.000	600	4.532	4.512	4.486
8	24.000		24.000					24.000		24.000	600	4.638	4.607	4.570
9	24.000		24.000					24.000		24.000	600	4.802	4.757	4.704
10	24.000		24.000					24.000		24.000	600	4.956	4.892	4.821
11	24.000		24.000					24.000		24.000	600	5.137	5.049	4.953
12	24.000		24.000					24.000		24.000	720	5.310	5.189	5.064
13	24.000		24.000					24.000		24.000	720	5.485	5.323	5.162
14	24.000		24.000					24.000		24.000	720	5.695	5.484	5.279
15	24.000		24.000					24.000		24.000	720	5.915	5.645	5.386
16	24.000		24.000					24.000		24.000	720	6.224	5.879	5.550
17	24.000		24.000					24.000		24.000	720	6.492	6.060	5.650
18	24.000		24.000					24.000		24.000	720	6.776	6.240	5.732
19	24.000		24.000					24.000		24.000	720	7.276	6.599	5.953

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 15 | 27

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Phí BH sản phẩm BHNT			Phí BH sản phẩm BHBS/BHBK	Phí ban đầu			Phí BH sản phẩm BHNT đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro sản phẩm BHNT		
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí BH		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí BH đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí BH đem đi đầu tư		Mức lãi suất cam kết	Mức lãi suất 3,3%	Mức lãi suất 4,9%
20	24.000		24.000					24.000		24.000	720	7.749	6.905	6.098
<p align="center"><i>Theo quy định của Bộ Tài chính, việc minh họa sản phẩm bảo hiểm liên kết chung theo mức lãi suất dự kiến chỉ được thể hiện cho 20 năm hợp đồng đầu tiên. Minh họa kể từ năm hợp đồng 21 dựa trên mức lãi suất cam kết (mức lãi suất cam kết từ năm hợp đồng 21 trở đi là 1%)</i></p>														
21											720	8.347	7.366	6.424
25											720	13.209	11.570	9.997
30											720	22.915	19.883	16.972
35											720	36.675	31.526	26.584
39											720	(*)	60.594	50.622
40											720		64.836	54.049
42											720		(*)	69.515
45											(*)			(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 16 | 27

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	29	24.000	14.400		1.500.000		10.248		10.248
2	30	24.000	24.000		1.500.000		30.598		30.598
3	31	24.000	24.000		1.500.000		51.587		51.587
4	32	24.000	24.000		1.500.000		72.448		72.448
5	33	24.000	24.000		1.500.000	3.000	96.575		96.575
6	34	24.000	24.000		1.500.000	3.000	120.459		120.459
7	35	24.000	24.000		1.500.000	3.000	144.452		144.452
8	36	24.000	24.000		1.500.000	3.000	168.698		168.698
9	37	24.000	24.000		1.500.000	3.000	193.143		193.143
10	38	24.000	24.000		1.500.000	3.600	218.399		218.399
11	39	24.000	24.000		1.500.000	3.600	242.654		242.654
12	40	24.000	24.000		1.500.000	3.600	266.858		266.858
13	41	24.000	24.000		1.500.000	3.600	291.128		291.128
14	42	24.000	24.000		1.500.000	3.600	315.430		315.430
15	43	24.000	24.000		1.500.000	3.600	339.753		339.753
16	44	24.000	24.000		1.500.000	3.600	364.009		364.009
17	45	24.000	24.000		1.500.000	3.600	388.238		388.238
18	46	24.000	24.000		1.500.000	3.600	412.424		412.424
19	47	24.000	24.000		1.500.000	3.600	436.349		436.349

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 17 | 27

Phiên bản
Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
20	48	24.000	24.000		1.500.000	3.600	460.038		460.038
25	53				1.500.000		425.279		425.279
30	58				1.500.000		347.363		347.363
35	63				1.500.000		207.457		207.457
39	67						(*)	(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 18 | 27

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3,3%					Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 4,9%				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng	Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	29	24.000	14.400		1.500.000		10.248		10.248	1.500.000		10.416		10.416
2	30	24.000	24.000		1.500.000		30.693		30.693	1.500.000		31.379		31.379
3	31	24.000	24.000		1.500.000		51.843		51.843	1.500.000		53.401		53.401
4	32	24.000	24.000		1.500.000		73.665		73.665	1.500.000		76.480		76.480
5	33	24.000	24.000		1.500.000	3.000	99.058		99.058	1.500.000	3.000	103.544		103.544
6	34	24.000	24.000		1.500.000	3.000	125.158		125.158	1.500.000	3.000	131.809		131.809
7	35	24.000	24.000		1.500.000	3.000	151.877		151.877	1.500.000	3.000	161.224		161.224
8	36	24.000	24.000		1.500.000	3.000	179.381		179.381	1.500.000	3.000	191.994		191.994
9	37	24.000	24.000		1.500.000	3.000	207.641		207.641	1.500.000	3.000	224.134		224.134
10	38	24.000	24.000		1.500.000	3.600	237.295		237.295	1.500.000	3.600	258.329		258.329
11	39	24.000	24.000		1.500.000	3.600	267.768		267.768	1.500.000	3.600	294.063		294.063
12	40	24.000	24.000		1.500.000	3.600	298.983		298.983	1.500.000	3.600	331.312		331.312
13	41	24.000	24.000		1.500.000	3.600	331.091		331.091	1.500.000	3.600	370.285		370.285
14	42	24.000	24.000		1.500.000	3.600	364.094		364.094	1.500.000	3.600	411.047		411.047
15	43	24.000	24.000		1.500.000	3.600	398.023		398.023	1.500.000	3.600	453.697		453.697
16	44	24.000	24.000		1.500.000	3.600	432.833		432.833	1.500.000	3.600	498.269		498.269
17	45	24.000	24.000		1.500.000	3.600	468.608		468.608	1.500.000	3.600	544.921		544.921
18	46	24.000	24.000		1.500.000	3.600	505.380		505.380	1.500.000	3.600	593.776		593.776

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 19 | 27

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3,3%					Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 4,9%				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng	Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
19	47	24.000	24.000		1.500.000	3.600	543.000		543.000	1.500.000	3.600	644.798		644.798
20	48	24.000	24.000		1.500.000	3.600	581.550		581.550	1.500.000	3.600	698.171		698.171
<p align="center"><i>Theo quy định của Bộ Tài chính, việc minh họa sản phẩm bảo hiểm liên kết chung theo mức lãi suất dự kiến chỉ được thể hiện cho 20 năm hợp đồng đầu tiên. Minh họa kể từ năm hợp đồng 21 dựa trên mức lãi suất cam kết (mức lãi suất cam kết từ năm hợp đồng 21 trở đi là 1%)</i></p>														
21	49				1.500.000		579.236		579.236	1.500.000		697.970		697.970
25	53				1.500.000		559.597		559.597	1.500.000		688.506		688.506
30	58				1.500.000		500.941		500.941	1.500.000		648.336		648.336
35	63				1.500.000		390.034		390.034	1.500.000		565.260		565.260
40	68				1.500.000		134.345		134.345	1.500.000		362.858		362.858
42	70						(*)		(*)	1.500.000		234.457		234.457
45	73											(*)	(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 20 | 27

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Phí BH sản phẩm BHNT			Phí BH sản phẩm BHBS/ BHBK	Phí ban đầu			Phí BH sản phẩm BHNT đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro sản phẩm BHNT		
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí BH		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí BH đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí BH đem đi đầu tư		Mức lãi suất cam kết	Mức lãi suất 3,3%	Mức lãi suất 4,9%
1	24.000		24.000		9.600		9.600	14.400		14.400	360	4.210	4.210	4.209
2	24.000		24.000					24.000		24.000	480	4.124	4.123	4.122
3	24.000		24.000					24.000		24.000	480	4.094	4.094	4.091
4	24.000		24.000					24.000		24.000	480	4.121	4.119	4.113
5											480	4.345	4.340	4.329
6											480	4.571	4.562	4.547
7											600	4.800	4.787	4.766
8											600	5.017	4.999	4.973
9											600	5.309	5.286	5.254
10											600	5.604	5.575	5.536
11											600	5.948	5.912	5.865
12											720	6.296	6.253	6.198
13											720	6.664	6.613	6.549
14											720	7.096	7.038	6.963
15											720	7.565	7.499	7.413
16											720	8.176	8.101	8.002
17											720	(*)	8.684	8.571
18											720		(*)	9.197
19											720			10.164

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 21 | 27

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Phí BH sản phẩm BHNT			Phí BH sản phẩm BHBS/ BHBK	Phí ban đầu			Phí BH sản phẩm BHNT đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro sản phẩm BHNT		
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí BH		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí BH đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí BH đem đi đầu tư		Mức lãi suất cam kết	Mức lãi suất 3,3%	Mức lãi suất 4,9%
20											(*)			(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 22 | 27

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	29	24.000	14.400		1.500.000		10.248		10.248
2	30	24.000	24.000		1.500.000		30.598		30.598
3	31	24.000	24.000		1.500.000		51.587		51.587
4	32	24.000	24.000		1.500.000		72.448		72.448
5	33				1.500.000		69.021		69.021
6	34				1.500.000		64.964		64.964
7	35				1.500.000		60.495		60.495
8	36				1.500.000		55.739		55.739
9	37				1.500.000		50.619		50.619
10	38				1.500.000		45.123		45.123
11	39				1.500.000		38.991		38.991
12	40				1.500.000		32.328		32.328
13	41				1.500.000		25.227		25.227
14	42				1.500.000		17.622		17.622
15	43				1.500.000		9.468		9.468
16	44				1.500.000		619		619
17	45						(*)	(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 23 | 27

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3,3%					Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 4,9%				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng	Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	29	24.000	14.400		1.500.000		10.248		10.248	1.500.000		10.416		10.416
2	30	24.000	24.000		1.500.000		30.693		30.693	1.500.000		31.379		31.379
3	31	24.000	24.000		1.500.000		51.843		51.843	1.500.000		53.401		53.401
4	32	24.000	24.000		1.500.000		73.665		73.665	1.500.000		76.480		76.480
5	33				1.500.000		71.190		71.190	1.500.000		75.291		75.291
6	34				1.500.000		68.408		68.408	1.500.000		73.821		73.821
7	35				1.500.000		65.183		65.183	1.500.000		71.931		71.931
8	36				1.500.000		61.636		61.636	1.500.000		69.735		69.735
9	37				1.500.000		57.679		57.679	1.500.000		67.144		67.144
10	38				1.500.000		53.298		53.298	1.500.000		64.136		64.136
11	39				1.500.000		48.429		48.429	1.500.000		60.644		60.644
12	40				1.500.000		42.930		42.930	1.500.000		56.516		56.516
13	41				1.500.000		36.884		36.884	1.500.000		51.825		51.825
14	42				1.500.000		30.205		30.205	1.500.000		46.479		46.479
15	43				1.500.000		22.837		22.837	1.500.000		40.409		40.409
16	44				1.500.000		14.613		14.613	1.500.000		33.438		33.438
17	45				1.500.000		5.524		5.524	1.500.000		25.540		25.540
18	46						(*)		(*)	1.500.000		16.614		16.614

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 24 | 27

Phiên bản
Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3,3%					Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 4,9%				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng	Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
19	47									1.500.000		6.258		6.258
20	48											(*)	(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng: Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau
 Đại lý bảo hiểm: **Trang 25 | 27**
 Ngày giờ lập: Phiên bản
Dãy số kiểm tra



Lưu ý:

1. Giá trị tài khoản cơ bản, Khoản thưởng duy trì đóng phí và Giá trị tài khoản đóng thêm được tính tại cuối mỗi năm hợp đồng. Giá trị tài khoản được minh họa dựa trên phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ và đúng hạn.
2. Lãi suất dự kiến chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho khách hàng trong tương lai, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.
3. Giá trị tài khoản hợp đồng có liên hệ chặt chẽ với quyền lợi bảo hiểm của khách hàng, khách hàng cần hiểu rõ các quyền lợi trong hợp đồng, thời gian đóng phí dự kiến, các loại chi phí, lãi suất đầu tư và ảnh hưởng của các yếu tố này đến giá trị tài khoản.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 26 | 27

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Tôi xác nhận đã được đại diện được ủy quyền của Công ty tiến hành phân tích nhu cầu, tư vấn, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và giải thích cụ thể các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm nói trên. Tôi theo đây xác nhận rằng đã hiểu rõ các đặc điểm của sản phẩm **Bảo Hiểm Liên kết chung Trọn Vẹn Cân Bằng – Phiên bản dành cho nhân viên AIA – Quyền lợi bảo hiểm cơ bản** cũng như toàn bộ nội dung của Bảng minh họa này và đồng ý tham gia do nhận thấy Hợp đồng bảo hiểm này phù hợp với nhu cầu của tôi.

Tôi cũng hiểu rõ rằng:

1. Tham gia hợp đồng bảo hiểm là một cam kết dài hạn. Việc hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí bảo hiểm đã đóng.
2. Bảng minh họa này là một phần của hợp đồng bảo hiểm và chỉ có giá trị khi có đầy đủ số trang. Bên mua bảo hiểm cần tuân thủ các quy định tại hợp đồng bảo hiểm để bảo đảm quyền và lợi ích khi tham gia bảo hiểm, đặc biệt là nghĩa vụ về đóng phí và kê khai thông tin.
3. Khi hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực do không đóng đủ phí bảo hiểm cơ bản theo yêu cầu trong 4 năm đầu tiên, không có quyền lợi bảo hiểm nào được chi trả. Việc rút tiền từ GTTK hợp đồng và/hoặc thay đổi kế hoạch đóng phí sẽ làm ảnh hưởng đến GTTK hợp đồng và ảnh hưởng đến hiệu lực hợp đồng.
4. Mức lãi suất dự kiến thể hiện bên trên là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chỉ mang tính tham khảo. Mức lãi suất thực tế có thể khác với mức lãi suất dự kiến, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.

Bên mua bảo hiểm

Số CMND/Căn cước công dân/
Hộ chiếu/Mã số doanh nghiệp

Xác nhận

Ngày/tháng/năm

Tôi, đại diện được ủy quyền của Công ty xác nhận dưới đây cam kết đã giải thích và tư vấn đầy đủ cho khách hàng có tên nêu trên về sản phẩm **Bảo Hiểm Liên kết chung Trọn Vẹn Cân Bằng – Phiên bản dành cho nhân viên AIA – Quyền lợi bảo hiểm cơ bản** và nội dung Bảng minh họa này.

Đại lý bảo hiểm/Chuyên viên tư vấn bảo hiểm

Văn phòng

Xác nhận

Ngày/tháng/năm

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 27 | 27

Phiên bản

Dãy số kiểm tra